TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số 02/2018/DS-ST.
Ngày:05/02/2018
V/v:"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà:

Bà Phạm Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 52/2017/TLST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc: "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

Bị đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Võ Văn Tiến V.

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Trong năm 2015 và 2016 chị Nguyễn Thị Hồng T có cho chị Trần Thị P vay tiền 3 lần tổng cộng 350.000.000đ, cụ thể: Lần 1: ngày 21/6/2015 (Âm lịch) tức ngày 05/8/2015 (Dương lịch) chị T có cho chị P vay số tiền 40.000.000đ, hẹn trả vào ngày 25/6/2015 (Âm lịch) tức ngày 09/8/2015 (Dương lịch). Lần 2: ngày 04/02/2016 (Âm lịch) tức ngày 12/3/2016 (Dương lịch) chị P vay thêm của chị T số tiền 100.000.000đ, hẹn trả vào ngày 10/9/2016 (Âm lịch) tức ngày 10/10/2016 (Dương lịch). Lần 3: ngày 01/5/2016 (Âm lịch) tức ngày 05/6/2016 (Dương lịch) chị P có vay thêm của chị T số tiền 210.000.000đ, hẹn trả vào ngày 10/5/2016 (Âm lịch) tức ngày 14/6/2016 (Dương lịch). Cả ba lần vay một mình chị P đứng vay và thiết lập hóa đơn biên nhận tiền mặt, chị P là người trực tiếp nhận tiền và ký xác nhận dưới mục người nhận tiền. Về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 3%/tháng. Các khoản vay nói trên đều đã quá hạn nhưng chị P không trả được cho chị T nên chị T đã khởi kiện yêu cầu chị P và anh Võ Văn Tiến V là chồng chị P có nghĩa vụ liên đới trả 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 5 năm 2017, bị đơn chị Trần Thị P trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016 chị có vay của chị T 3 lần tổng cộng là 340.000.000 đồng, thời điểm vay, thời hạn trả nợ và lãi suất như nguyên đơn đã trình bày là đúng. Mục đích vay giùm cho em của chị P lấy vốn làm ăn nên anh V chồng của chị P không biết, đến ngày 20/3/2016, chị P và chị T có thỏa thuận sẽ trả số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) vay ngày 04/02/2016 (Âm lịch) chuyển sang tiền huê, mỗi tháng chị P đóng cho chị T 1.200.000đ, đối với khoản tiền vay ngày 21/6/2015 thì chị P chỉ vay của chị T

30.000.000đ . Vì vậy chị chỉ chấp nhận trả cho chị T số tiền 240.000.000đ tiền vay gốc và lãi suất phát sinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Tiến V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để ghi lời khai, mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi được lời khai của anh V và tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt anh V.

Phần tranh luận: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 110.000.000 đồng do chị P thỏa thuận trả dần số tiền này cho chị T được chị T chấp nhận, đồng thời không yêu cầu anh Võ Văn Tiến V có nghĩa vụ liên đới trả nợ, chỉ yêu cầu một mình chị P trả 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Tiến V đều đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 471, khoản 1 Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015 đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T. Buộc chị Trần Thị P hoàn trả cho chị Nguyễn Thị

Hồng T số tiền vay gốc 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T đối với yêu cầu anh Võ Văn Tiến V có trách nhiệm liên đới cùng chị P trả cho chị T tiền vay gốc và lãi suất phát sinh, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T đối với số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị P, anh Võ Văn Tiến V có hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trả số tiền vay gốc 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ khởi kiện đề ngày 28/3/2017, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị P, anh Võ Văn Tiến V trả số tiền vay gốc 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập lần thứ hai nhưng bị đơn chị Trần Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Tiến V vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là

đúng với thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ba hợp đồng vay tài sản giữa chị T và chị P được ký kết vào các ngày 21/6/2015, ngày 04/2/2016 và ngày 01/5/2016, thời hạn trả vào ngày 26/6/2015, ngày 09/2/2016 và ngày 10/5/2016. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Do đó hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu chị Trần Thị P trả 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền vay gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 21/6/2015 (Âm lịch) chị P có vay của chị T 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) và hẹn trả ngày 26/6/2015, đối với khoản vay này tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu chị P trả 40.000.000đ. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T thừa nhận thực tế chị P chỉ vay 30.000.000 đ nhưng do nhầm lẫn nên chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đ. Ngày 04/02/2016 (Âm lịch) chị P vay của chị T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) hẹn trả vào ngày 10/9/2016 (Âm lịch), đối với khoản vay này hai bên đã thỏa thuận trả sang tiền huê nên chị T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000đ. Tiếp đến ngày 01/5/2016 (Âm lịch) chị P vay tiếp của chị T 210.000.000 (Hai trăm mười triệu đồng), hẹn đến ngày 10/5/2016 (Âm lịch) sẽ trả.

Việc vay tiền giữa các bên là có trên thực tế, được chứng minh qua các hóa đơn biên nhận tiền mặt lập ngày 21/6/2015, ngày 04/02/2016 và ngày 01/5/2016 và được bị đơn chị Trần Thị P thừa nhận tại bản tự khai lập ngày 22/5/2017. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận đó là sự thật. Theo hợp đồng vay các bên đã ký kết thì chị P có nghĩa

vụ trả cho chị T cụ thể: Ngày 26/6/2015 trả 30.000.000đ và ngày 10/5/2016 trả 210.000.000đ. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ, chị P không trả cho chị T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005.

Tại khoản 1 Điều 474 của BLDS năm 2005 quy định: "1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Xét thấy yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị Hồng T là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471; khoản 1 Điều 474 của BLDS năm 2005 để buộc chị Trần Thị P trả cho chị Nguyễn Thị Hồng T 240.000.000đ là có căn cứ.

[3] Về lãi suất:

Trong hợp đồng vay tiền lập giữa các bên không có thỏa thuận mức lãi suất cụ thể bằng văn bản. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận hai bên có thỏa thuận bằng miệng đối với các khoản vay là 3%/tháng. Như vậy lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 476 của BLDS năm 2005 quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng, tại Điều 1 - Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định: Mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/ năm. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 để điều chỉnh lại lãi suất cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn:

Đối với số tiền vay 30.000.000đ tính từ ngày vay 05/8/2015 đến ngày 09/8/2015 là: 30.000.000đ x 5 ngày x 0,75% : 30 = 37.500đ (Ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Đối với số tiền vay 210.000.000đ tính từ ngày vay 05/6/2016 đến ngày 14/6/2016 là 210.000.000đ x 10 ngày x 0,75%: 30 = 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Lãi suất quá hạn:

Đối với số tiền vay 30.000.000đ từ ngày 10/8/2015 đến ngày 05/02/2018 là: (30.000.000đ x 911 ngày x 1,125%) : 30 = 10.248.750đ (Mười triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Đối với số tiền vay 210.000.000đ từ ngày 15/6/2016 đến ngày 05/02/2018: (210.000.000đ x 601 ngày x 1,125%) : 30 = 47.328.750đ (Bốn mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Tổng tiền lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/02/2018 là: 58.140.000đ (Năm mươi tám triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng cộng số tiền vay gốc và lãi suất buộc chị Trần Thị P hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng T là 298.140.000đ.

[4] Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu vợ chồng chị P, anh V có nghĩa vụ trả 350.000.000đ tiền vay gốc và lãi suất phát sinh. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu một mình chị P trả nợ, vì khi cho vay chị T chỉ cho một mình chị P vay tiền nên không yêu cầu chồng chị P là anh Võ Văn Tiến V cùng có trách nhiệm trả nợ, đồng thời chị T rút một phần yêu cầu khởi khiện đối với số tiền 110.000.000đ trong đó 100.000.000đ do các bên tự thỏa thuận với nhau, 10.000.000đ do chị T tính toán có nhầm lẫn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 110.000.000đ.

[5] Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn chị Trần Thị P phải chịu 14.907.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo mức tính: 298.140.000đ x 5% = 14.907.000đ (Mười bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T được miễn tiền tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T.

Buộc chị Trần Thị P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Hồng T số tiền 298.140.000đ (Hai trăm chín mươi tám triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc: 240.000.000đ; Tiền lãi suất: 58.140.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 110.000.000đ do nguyên đơn chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T được quyền khởi kiện lại đối với số tiền số tiền 100.000.000đ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị P phải chịu 14.907.000đ (Mười bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T được miễn tiền tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Trần Thị P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Tiến V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(*Đã ký)*

Hoàng Long